

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TT
TỈNH T**

Số: 21/2021/QĐST-HNGĐ

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

TT, ngày 12 tháng 7 năm 2021

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN KẾT QUẢ HOÀ GIẢI T**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TT, TỈNH T

Căn cứ vào khoản 2 Điều 29; điểm b khoản 2 Điều 35; điểm h khoản 2 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 55; 81; 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào các điều 32, 33, 34, 35 và 36 Luật Hoà giải đối thoại tại Toà án.

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào Biên bản ghi nhận kết quả hoà giải tại Toà án ngày 24 tháng 6 năm 2021, về việc các bên thoả thuận được với nhau về giải quyết toàn bộ việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thoả thuận nuôi con khi ly hôn.

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 142/2021/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 7 năm 2021 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thoả thuận nuôi con giữa:

- *Người yêu cầu:* Anh Nguyễn Văn T – Sinh năm: 1995

Chị Nguyễn Quỳnh A – Sinh năm: 1998

Cùng có Nơi đăng ký HKTT tại: Thôn TS, xã T2, huyện TT, tỉnh Thanh Hoá

XÉT THẤY:

Nội dung thoả thuận, thống nhất của các bên được ghi nhận trong Biên bản ghi nhận kết quả hoà giải tại Toà án đã có đủ điều kiện quy định tại Điều 33 Luật Hoà giải đối thoại tại Toà án.

Đã hết thời hạn 15 ngày, kể từ ngày Toà án nhận được Biên bản ghi nhận kết quả hoà giải và tài liệu kèm theo. Không có bên nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận kết quả hoà giải T tại Toà án của các bên cụ thể như sau:

- Về hôn nhân: Anh Nguyễn Văn T và chị Nguyễn Quỳnh A kết hôn trên cơ sở tìm hiểu tự nguyện tại UBND xã T2, huyện TT, tỉnh T, về sống chung với nhau từ năm 2015 và có một con chung nhưng đến ngày 26/04/2018 vợ chồng mới đến UBND xã kết hôn. Vợ, chồng chung sống hòa thuận đến năm 2020 thì phát sinh nhiều mâu thuẫn do tính tình vợ chồng không hợp, bất đồng quan điểm sống, có cãi vã nhau nhiều lần dẫn đến cả hai vợ chồng đều mệt mỏi, chán nản. Vợ chồng đã được hai bên gia đình

hòa giải nhiều lần nhưng không có kết quả. Vợ chồng sống ly thân từ năm 2020 đến nay không ai quan tâm đến ai nữa. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng thực sự không còn, cuộc sống chung không thể kéo dài nên đề nghị Tòa án giải quyết cho anh, chị được thuận tình ly hôn;

- Về con chung: Anh Nguyễn Văn T và chị Nguyễn Quỳnh A thống nhất vợ chồng có 01 con chung là cháu Nguyễn Kim TH, sinh ngày 27/10/2015. Sau khi ly hôn anh, chị thỏa thuận giao con cho chị A trực tiếp nuôi dưỡng. Anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị A. Anh T được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung không ai được ngăn cấm, cản trở.

- Về tài sản, công nợ: Anh Nguyễn Văn T và chị Nguyễn Quỳnh A không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Anh Nguyễn Văn T được trả lại số tiền đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện TT theo biên lai số: AA/2018/0003185 ngày 25/6/2021.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm và được thi hành theo quy định của pháp luật về thi hành án dân sự.

4. Các bên, người đại diện hoặc người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến quyết định của Tòa án có quyền đề nghị xem xét lại quyết định trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hoặc biết được quyết định.

5. Viện kiểm sát cùng cấp có quyền kiến nghị xem xét lại quyết định này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được quyết định của Tòa án.

Nơi nhận:

- Người yêu cầu;
- VKSND huyện TT;
- UBND xã T2;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

Lê Văn Quân